**TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trụ sở**  91 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP.HCM  Điện thoại: 028 36363638  Email: [branch4.nafi@mard.gov.vn](mailto:branch4.nafi@mard.gov.vn)  Website: [www.nafiqad4.gov.vn](http://www.nafiqad4.gov.vn) / [www.nafi4.vn](http://www.nafi4.vn) | **Phòng thử nghiệm**  271 Tô Ngọc Vân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.HCM  Điện thoại: 028.3636.3638  Email: [knvisinh.nafi4@mard.gov.vn](mailto:knvisinh.nafi4@mard.gov.vn/)  [knhoa.nafi4@mard.gov.vn](mailto:knhoa.nafi4@mard.gov.vn) |



CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

AN TOÀN THỰC PHẨM

*FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEMS CERTIFICATION SCHEME*

**ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN**

***APPLICATION FOR CERTIFICATION***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần dành cho Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 4** | | |
| Mã số khách hàng | Code | Người xem xét |

**1. Thông tin chung**

|  |  |
| --- | --- |
| 1.1 Tên khách hàng | - Tiếng Việt:  - Tiếng Anh:  - Tên viết tắt (*nếu có*): |
| 1.2 Địa chỉ | - Tiếng Việt:  - Tiếng Anh: |
| 1.3 Nếu KH có nhiều địa điểm thuộc lĩnh vực đăng ký chứng nhận, đề nghị ghi rõ Tên, địa chỉ, sản phẩm/dịch vụ/hoạt động, số CBNV của từng địa điểm và loại hình địa điểm (cố định, tạm thời, ảo). KH có thể lập phụ lục | - Địa điểm 1:      - Địa điểm 2:      - Địa điểm 3: |
| 1.4 Người đại diện có thẩm quyền | - Họ, tên:  - Chức vụ:  - Điện thoại: Email: |
| 1.5 Người liên hệ | - Họ, tên:  - Chức vụ:  - Điện thoại: Email: |
| 1.6 Loại hình doanh nghiệp | Quốc doanh ❑ Nước ngoài ❑ Liên doanh ❑ Hợp danh ❑  Cổ phần ❒ TNHH ❑ Tư nhân ❑ Khác ❑ |
| 1.7 Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư |  |
| 1.8 Thông tin ký kết hợp đồng | - Tài khoản số:  - Tại ngân hàng:  - Mã số thuế: |

**2. Thông tin chứng nhận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 2.1 Loại hình chứng nhận | Chứng nhận lần đầu ❑ Chứng nhận mở rộng ❑  Chứng nhận lại ❑ Chứng nhận nâng cấp ❑  Khác ❑ | |
| 2.2 Chuẩn mực chứng nhận |  | |
| 2.3 Lĩnh vực đăng ký chứng nhận  *(ghi rõ các hoạt động sản xuất/chế biến thực phẩm và sản phẩm tại địa điểm đăng ký chứng nhận)* | - Tiếng Việt:      - Tiếng Anh: | |
| 2.4 Số lượng CBNV | | |
| 2.4.1 Số CBNV gián tiếp thuộc HTQL ATTP đăng ký chứng nhận: | | |
| 2.4.2 Số CBNV trực tiếp sản xuất thuộc HTQL ATTP đăng ký chứng nhận | | Ca 1:  Ca 2:  Ca 3: |
| 2.5 Đề nghị liệt kê một số văn bản pháp quy quan trọng về Quản lý ATTP áp dụng đối với lĩnh vực sản xuất/kinh doanh của KH | | |
| 2.6 Khách hàng đã áp dụng HTQL khác (ISO 9001, ISO 14001,…) | Có ❑ Không ❑  Nếu có xin nêu rõ tiêu chuẩn và tổ chức chứng nhận: | |
| 2.7 Thời gian đề nghị đánh giá | ❑ Đánh giá giai đoạn 1:  ❑ Đánh giá giai đoạn 2: | |

**3. Thông tin sơ bộ về hệ thống**

|  |  |
| --- | --- |
| 3.1 Xin vui lòng cung cấp chi tiết kế hoạch HACCP và các điểm CCP/mối nguy đã xác định đối với từng loại sản phẩm thuộc phạm vi đăng ký  *(Kế hoạch HACCP tương ứng với nhóm sản phẩm có mối nguy và công nghệ sản xuất tương tự)* | |
| Kế hoạch HACCP 1: | CCP: |
| Kế hoạch HACCP 2: | CCP: |
| Kế hoạch HACCP 3: | CCP: |
| Kế hoạch HACCP 4: | CCP: |
| Kế hoạch HACCP 5: | CCP: |
| Kế hoạch HACCP 6: | CCP: |
| 3.2 Vị trí và môi trường xung quanh | |
| 3.3 Diện tích nhà xưởng, kết cấu xây dựng nhà xưởng  - Tổng diện tích nhà xưởng: , trong đó:  + Diện tích khu vực sản xuất:  + Diện tích khu vực kho chứa:  + Diện tích khu vực phụ trợ khác (nếu có): | |
| 3.4 Đề nghị cung cấp sơ đồ phác thảo về mặt bằng của địa điểm đánh giá, tập trung vào các khu vực sản xuất và chỉ rõ các khu vực với cấp độ sạch khác nhau, đường di chuyển của nguyên liệu, sản phẩm, công nhân,… | |
| 3.5 Đề nghị mô tả ngắn gọn về hệ thống thông gió (*nếu có*) | |
| 3.6 Đề nghị mô tả ngắn gọn về hệ thống xử lý nước và cấp nước  - Nguồn nước đang sử dụng: Nước thủy cục ❒ Nước giếng khoan ❒  - Hệ thống lắng lọc: Có ❒ Không ❒ Phương pháp khác ❒  - Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích: m3  - Hệ thống bể cao áp: Tổng dung tích: m3  - Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng ❒ Đèn cực tím ❒ Khác  - Nguồn nước đá: Tự sản xuất ❒ Mua ngoài ❒  - Nội dung khác | |
| 3.7 Đề nghị liệt kê một số thiết bị sản xuất và kiểm soát chất lượng chủ yếu | |
| 3.8 Liệt kê bất kỳ loại hóa chất kháng sinh, hóa chất độc hại, nguy hiểm cao có trong quá trình sản xuất tại địa điểm đánh giá | |
| 3.9 Đề nghị cung cấp thông tin chi tiết về các nhà thầu phụ mà khách hàng đang sử dụng (ví dụ: Đóng gói, xử lý, tiệt trùng, thử nghiệm,…) | |

**4. Các thông tin khác**

|  |  |
| --- | --- |
| 4.1 Xin vui lòng cho biết thông tin về đơn vị tư vấn (*nếu có*) |  |
| 4.2 Xin vui lòng cho biết các yêu cầu khác (*nếu có*) |  |

**5. Các tài liệu gửi kèm**

Chúng tôi xin gửi kèm các tài liệu sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | ❑ |
|  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP | ❑ |
|  | Thông tin dạng văn bản xác định phạm vi của hệ thống quản lý ATTP (áp dụng cho ISO 22000) | ❑ |
|  | Báo cáo đánh giá nội bộ HTQL ATTP gần nhất (áp dụng cho ISO 22000) | ❑ |
|  | Biên bản họp xem xét lãnh đạo gần nhất (áp dụng cho ISO 22000) | ❑ |
|  | Các kế hoạch HACCP (theo sản phẩm/nhóm sản phẩm đăng ký) | ❑ |
|  | Kế hoạch oPRP (áp dụng cho ISO 22000) | ❑ |
|  | Các chương trình tiên quyết (GMP, SSOP) | ❑ |
|  | Sơ đồ mặt bằng của xưởng sản xuất | ❑ |
|  | Giấy chứng nhận ISO 9001/ISO 14000/…(nếu đã được chứng nhận) | ❑ |
|  | Tài liệu khác | ❑ |

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo Quy định nguyên tắc và điều kiện chứng nhận của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 4 và cam kết các thông tin trên là đúng sự thật./.

*................, ngày… tháng…năm……*

**Đại diện tổ chức/ cá nhân**

*(Ký tên và đóng dấu)*